

NGHI THỨC LỄ GIỖ CỐ LÃO HÒA THƯỢNG
Thượng TUYÊN Hạ HÓA

**RITUAL FOR COMMEMORATING THE
ANNIVERSARY OF VENERABLE MASTER HUA'S
NIRVANA**

JEWELED CENSER PRAISE

Bảo Đảnh Tán

寶鼎讚

寶 bau 鼎 đing
bảo đĩnh

熱 re
nhiệt

名 ming
danh

香 syang
hương

普 pu
phổ

徧 byan
biến

十 shr
thập

方 fang
phương

虔 chyán
kiên

誠 cheng
thành

奉 feng
phụng

獻 syan
hiến

法 fa
pháp

中 jung
trung

王 wang
vương

端 đwan
doan

為 wei
vi

民 ming
dân

主 ju
chủ,

祝 ju chúc 萬 wan vạn 歲 swei tué
 地 di địa 久 jyou cửu 天 tyan thiên
 長 jang trưởng 端 đwan đoan 為 wei vi
 世 shr thế 界 jye giới, 祝 ju chúc 和 he hòa
 平 ping bình 地 di địa
 久 jyou cửu 天 tyan thiên 長 jang trưởng
 南 na Nam 無 mwo mô 香 syang Hương 雲 yun Vân 蓋 gai Cái
 善 pu Bồ 薩 sa Tát 1,2
 摩 mwo Ma 訶 he Ha
 薩 sa Tát 訶 he Ha 薩 sa Tát

Nhiều Niệm

繞念

CIRCUMAMBULATING

Nam Mô Thượng Tuyên Hạ Hóa Lão Hòa Thượng.

南 無 上 宣 下 化 老 和 尚

Na mo shàng hsuān xià huà lão hé shàng

HOMAGE TO THE VENERABLE ONE, THE NOBLE HSUAN, PRECEPTOR HUA.



Lễ Kính Thượng Nhân

禮敬上人

BOWING IN RESPECT TO THE VENERABLE MASTER HSUAN HUA

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA (3x)

▶ Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO AMITABHA BUDDHA (3x)

▶ Nam mô A Di Đà Phật (3 lạy)

南無阿彌陀佛 (三拜)

ná mó ē mí tuó fó

NA MO BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S SOUNDS. (3x)

▶ Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lạy)

南無觀世音菩薩 (三拜)

ná mó guān shì yīn pú sà

NA MO GREAT STRENGTH BODHISATTVA (3x)

▶ Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lạy)

南無大勢至菩薩 (三拜)

ná mó dà shì zhì pú sà

NA MO GREAT PURE SEA OF BODHISATTVA (3x)

▶ Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lạy)

南無清淨大海衆菩薩 (三拜)

ná mó qīng jìng dà hǎi zhòng pú sà

HOMAGE TO THE VENERABLE ONE, THE NOBLE HSUAN, PRECEPTOR HUA (12x)

▶ Nam Mô Thượng Tuyên Hạ Hóa Lão Hòa Thượng. (12 lạy)

南無上宣下化老和尚 (十二拜)

na mo shàng hsuān xià huà lǎo hé shàng

Mười Tám Đại Nguyện của Tuyên Công Thượng Nhân 宣公上人十八大願

THE EIGHTEEN GREAT VOWS OF VENERABLE MASTER HSUAN HUA

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lạy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

"Kính lạy mười phương Phật, cùng với Tam Tạng Pháp, với chư Hiền Thánh Tăng trong đời quá khứ và hiện tại. Nguyện rủ lòng chứng giám: Đệ tử Độ Luân, Thích An Từ. Con nay phát tâm rằng: Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người, cùng Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa. Duy nương Tối Thượng Thừa mà phát Bồ Đề tâm. Nguyện cùng Pháp Giới chúng sinh, nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

公在母墓旁，守孝至同年夏六月十九日，在佛前發願雲：“稽首十方佛，及與三藏法，過去現在賢聖僧。惟願垂作證，^{弟子}度輪，釋安慈，我今發心，不為自求人天福報，聲聞緣覺，乃至權乘諸位菩薩。唯依最上乘，發菩提心；願與法界眾生，一時同得阿耨多羅三藐三菩提。”

1. I vow that as long as there is a single Bodhisattva in the three periods of time throughout the ten directions of the Dharma Realm, to the very end of empty space, who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 盡 虛 空，遍 法 界，十 方 三 世 一 切 菩 薩 等，
yuàn jìn xū kōng, biàn fǎ jiè, shí fāng sān shì yī qiē pú sà děng,

若 有 一 未 成 佛 時，我 誓 不 取 正 覺。
ré yǒu yī wèi chéng fó shí, wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

2. I vow that as long as there is a single Pratyekabuddha in the three periods of time throughout the ten directions of the Dharma Realm, to the very end of empty space, who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 盡 虛 空, 遍 法 界, 十 方 三 世 一 切 緣 覺 等,
yuàn jìn xū kōng, biàn fǎ jiè, shí fāng sān shì yī qiē yuán jué děng,

若 有 一 未 成 佛 時, 我 誓 不 取 正 覺.
ré yǒu yī wèi chéng fó shí, wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

3. I vow that as long as there is a single Shravaka in the three periods of time throughout the ten directions of the Dharma Realm, to the very end of empty space, who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 盡 虛 空, 遍 法 界, 十 方 三 世 一 切 聲 聞 等,
yuàn jìn xū kōng, biàn fǎ jiè, shí fāng sān shì yī qiē shèng wén děng,

若 有 一 未 成 佛 時, 我 誓 不 取 正 覺.
ré yǒu yī wèi chéng fó shí, wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

4. I vow that as long as there is a single god in the Triple Realm who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願三界諸天人等, 若有一未成佛時,
yuàn sān jiè zhū tiān rén děng, ré yǒu yī wèi chéng fó shí,

我誓不取正覺.
wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.

5. I vow that as long as there is a single human being in the worlds of the ten directions who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願十方世界一切人等, 若有一未成佛時,
yuàn shí fāng shì jiè yī qiē rén děng, ré yǒu yī wèi chéng fó shí,

我誓不取正覺.
wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

6. I vow that as long as there is a single asura who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 天, 人, 一 切 阿 修 羅 等, 若 有 一 未 成 佛
yuàn tiān, rén, yī qiē ā xiū luó děng, ré yǒu yī wèi chéng fó

時, 我 誓 不 取 正 覺.
shí, wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng nếu có một vị Trời, Người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi thì không thủ Chánh Giác.

7. I vow that as long as there is a single animal who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 一 切 畜 生 界 等, 若 有 一 未 成 佛 時,
yuàn yī qiē chù shēng jiè děng, ré yǒu yī wèi chéng fó shí,

我 誓 不 取 正 覺.
wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi thì không thủ Chánh Giác.

8. I vow that as long as there is a single hungry ghost who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願一切餓鬼界等, 若有一未成佛時,
yuàn yī qiē è guǐ jiè děng, ré yǒu yī wèi chéng fó shí,

我誓不取正覺.
wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng trong thế giới loài Ngạ Quỷ, nếu còn ai chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

9. I vow that as long as there is a single hell-dweller who has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願一切地獄界等, 若有一未成佛,
yuàn yī qiē dì yù jiè děng, ré yǒu yī wèi chéng fó,

或地獄不空時, 我誓不取正覺.
huò dì yù bù kōng shí, wǒ shì bù qū zhèng jué.

Nguyện rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn ai chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

10. I vow that as long as there is a single god, immortal, human, asura, air-bound or water-bound creature, animate or inanimate object, or a single dragon, beast, ghost, spirit, or the like of the spiritual realm that has taken refuge with me and has not accomplished Buddhahood, I too will not attain the right enlightenment.

願 凡 是 三 界 諸 天, 仙, 人, 阿 修 羅, 飛 潛 動 植,
yuàn fán, shì sān jiè zhū tiān, xiān, rén, ā xiū luó, fēi qián dòng zhí,

靈 界 龍 畜, 鬼 神 等 眾, 曾 經 皈 依 我 者,
líng jiè lóng chù, guǐ shēn děng zhòng, céng jīng guī yī wǒ zhě,

若 有 一 未 成 佛 時, 我 誓 不 取 正 覺.
ré yǒu yī wèi chéng fó shí, wǒ shì bù qǔ zhèng jué.

Nguyện trong Tam Giới, nếu những ai từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

11. I vow to fully dedicate all blessings and bliss which I myself ought to receive and enjoy to all living beings of the Dharma Realm.

願 將 我 所 應 享 受 一 切 福 樂, 悉 皆 迴 向,
yuàn jiāng wǒ suǒ yìng xiǎng shòu yī qiē fú lè, xī jiē huí xiàng,

普 施 法 界 眾 生.
pǔ shī fǎ jiè zhòng sheng.

Nguyện rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.

12. I vow to fully take upon myself all sufferings and hardships of all living beings in the Dharma Realm.

願將法界眾生所有一切苦難，
yuàn jiāng fǎ jiè zhòng shēng suǒ yǒu yī qiē kǔ nán,

悉皆與我一人代受。
xī jiē yǔ wǒ yī rén dài shòu.

Nguyện một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.

13. I vow to manifest innumerable bodies as a means to gain access into the minds of living beings throughout the universe who do not believe in the Buddha-dharma, causing them to correct their faults and tend toward wholesomeness, repent of their errors and start anew, take refuge in the Triple Jewel, and ultimately accomplish Buddhahood.

願分靈無數，普入一切不信佛法眾生心，
yuàn fēn líng wú shù, pǔ rù yī qiē bù xìn fó fǎ zhòng shēng xīn,

令其改惡向善，悔過自新，皈依三寶，
lìng qí gǎi è xiàng shàn, huǐ guò zì xīn, guī yī sān bǎo,

究竟作佛。
jiù jìng zuō fó.

Nguyện rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.

14. I vow that all living beings who see my face or even hear my name will fix their thoughts on Bodhi and quickly accomplish the Buddha Way.

願一切眾生，見我面，乃至聞我名，
yuàn yī qiē zhòng shēng, jiàn wǒ miǎn, nǎi zhì wén wǒ míng,

悉發菩提心，速得成佛道。
xī fā pú tí xīn, sù dé chéng fó dào.

Nguyện rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.

15. I vow to respectfully observe the Buddha's instructions and cultivate the practice of eating only one meal per day.

願恪遵佛制，實行日中一食。
yuàn kè zūn fó zhì, shí xíng rì zhōng yī shí.

Nguyện rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.

16. I vow to enlighten all sentient beings, universally responding to the multitude of differing potentials.

願覺諸有情，普攝群機。
yuan jué zhū yǒu qíng, pǔ shè qún jī.

Nguyện giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.

17. I vow to obtain the five eyes, six spiritual powers, and the freedom of being able to fly in this very life.

願此生即得五眼六通，飛行自在。

yuàn cǐ shēng jí dé wǔ yǎn liù tōng, fēi xíng zì zài.

Nguyện trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhãn, Lục Thông, và phi hành tự tại.

18. I vow that all of my vows will certainly be fulfilled.

願一切求願，必獲滿足。

yuàn yī qiē qiú yuàn, bì huò mǎn jù.

Nguyện tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.

Also:

結雲：

Cuối cùng:

I vow to save the innumerable living beings.

眾生無邊誓願度

zhòng shēng wú biān shì yuàn dù

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

I vow to eradicate the inexhaustible afflictions.

煩惱無盡誓願斷

fán nǎo wú jìn shì yuàn duàn

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

I vow to study the illimitable Dharma-doors.

法門無量誓願學

fá mén wú liàng shì yuàn xué

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

I vow to accomplish the unsurpassed Buddha Way.

佛道無上誓願成

fó dào wú shàng shì yuàn chéng

Phật Đạo vô thượng thệ nguyện thành."

Tam Quy Y
三 皈 依
THE THREE REFUGES

To the Buddha I return and rely, vowing that all living beings

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,

自 皈 依 佛, 當 願 衆 生,

zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng

Understand the great Way profoundly, and bring forth the bodhi mind. *(bow)*

Thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. *(lạy)*

體 解 大 道, 發 無 上 心. (拜)

tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

To the Dharma I return and rely, vowing that all living beings

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,

自 皈 依 法, 當 願 衆 生,

zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng

Deeply enter the sutra treasury, and have wisdom like the sea. *(bow)*

Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. *(lạy)*

深 入 經 藏, 智 慧 如 海. (拜)

shēn rù jīng zàng zhì huì rú hǎi

To the Sangha I return and rely, vowing that all living beings

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,

自皈依僧，當願衆生

zì guī yī sēng dāng yuàn zhòng shēng

From together a great assembly, one and all in harmony *(bow)*

Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại. *(lay)*

統理大衆，一切無礙。 (拜)

tóng lǐ dà zhòng yí qiè wú ài.

Homage to the multitudes of sages.

Hòa Nam Thánh Chúng *(lay, đứng dậy, xá)*

和南聖衆 (拜, 上升, 問訊)

hé nán shèng zhòng *(bow, rises and half bow)*

Hồi Hương Công Đức

功 德 回 向

VERSE FOR TRANSFERING THE MERIT

I dedicate the merit and virtue of the profound act of dharma assembly

Pháp hội công đức thù thắng hạnh

法 會 功 德 殊 勝 行

fǎ huì gōng dé shū shèng hành

With all its superior limitless blessings

Vô biên thắng phước giai hồi hương

無 邊 勝 福 皆 回 向

wú biān shèng fú jiē huí xiàng

With the universal vow that all beings sunk in defilement

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh

普 願 沉 溺 諸 衆 生

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng sheng

Will quickly go to the land of the Buddha of Limitless Light (Amitabha)

Tốc vãng vô lượng quang Phật sát

速往無量光佛刹

sù wǎng wú liàng guāng fó chà

All Buddhas of the ten directions and the three periods of time

Thập phương tam thế nhất thiết Phật

十方三世一切佛

shí fāng sān shì yí qiè fó

All Bodhisattvas, Mahasattvas.

Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát.

一切菩薩摩訶薩

yí qiè pú sà mó hē sà

Maha Prajna Paramita!

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật!

摩訶般若波羅蜜。

mó hē bō rě bō luó mì.

WHITE UNIVERSE

宇宙白

Vũ Trụ Bạch

Ice in the sky, snow on the ground.

冰天雪地，

Bīng tiān xuě dì,

Trời giá băng, đất tuyết phủ.

Numberless tiny bugs die in the cold

無數條細蟲，

Wú shù tiáo xì chóng,

Vô số trùng nhỏ lớp chết cứng

or sleep in hibernation.

凍斃且蟄眠，

Dòng bì qiě zhé mián,

Lớp ngủ đông.

In the midst of stillness you should contemplate,

靜裏觀察，

jìng lǐ guān chá,

Trong tĩnh quan sát,

and within movement you should investigate.

動中審諦，

dòng zhōng shěn dì,

Giữa động suy ngẫm.

Dragons spar and tigers wrestle in continual playful sport;

龍爭虎鬥常遊戲，

lóng zhēng hǔ dòu cháng yóu xì,

Kìa rồng tranh, cọp đấu, đùa vui bất tận,

Ghosts cry and spirits wail, their illusory
transformations strange.

鬼神哭嚎幻化奇，

guǐ shén kū háo huàn huà qí,

Nộ quỷ khóc, thần la, biến hóa dị kỳ.

their illusory transformations strange. Ultimate truth
transcends words;

真實義絕言，

Zhēn shí yì jué yán,

Nghĩa chân thật bất ngôn ngữ;

Not thought about or talked about, you ought to
advance with haste.

不思議，當進趨，

Bù sī yì, dāng jìn qū,

Khó nghĩ bàn, hãy tiến bước.

With great and small destroyed, with no inside or out,

大小泯，內外非，

Dà xiǎo mǐn, nèi wài fēi,

Không lớn nhỏ, chẳng trong ngoài.

It pervades every mote of dust and encompasses
the Dharma Realm,

微塵遍，法界周，

Wēi chén biàn, fǎ jiè zhōu,

Bụi nhỏ biến trùm Pháp Giới.

Complete, whole, and perfectly fused,

勿 論 個 圓 融，

Hú lún gè yuán róng,

Nguyên vẹn viên dung,

interpenetrating without obstruction.

互 相 無 礙，

Hù xiāng wú ài,

Hỗ tương không ngại.

With two clenched fists, shatter the covering of empty space.

雙 拳 打 破 虛 空 蓋，

shuāng quán dǎ pò xū kōng gài,

Hai tay nắm nát nắp hư không,

In one mouthful swallow the source of seas of
Buddhalands.

一 口 吞 盡 刹 海 源，

Yī kǒu tūn jìn shā hǎi yuán,

Một hớp uống cạn nguồn sát hải.

With great compassion rescue all,

大慈悲普度，

dà cí bēi pǔ dù,

Đại từ bi cứu khắp,

Sparing no blood or sweat, and never pause to rest!

流血汗，不休息。

Liú xiě hàn, bù xiū xī

Dầu máu đổ, mồ hôi tuôn, quyết không ngừng nghỉ!

With great compassion rescue all,

大慈悲普度，

Đại từ bi cứu khắp,

Sparing no blood or sweat, and never
pause to rest!

流血汗，不休息。

Dầu máu đổ, mồ hôi tuôn, quyết không ngừng
nghỉ!

~Venerable Master Hsuan Hua

宣化上人

Hòa Thượng Tuyên Hóa

